

LOI PHI BANG (THE WRONG OF DEFAMATION)

HIEU LUC AN LE VE ‘LOI PHI BANG’ CUA NUOC ANH DOI VOI PHAN QUYET VE TOI DANH NAY CUA CAC TOA AN TIEU BANG CALIFORNIA

Nói đến pháp luật Anh- Mỹ, nhiều người cho rằng nền pháp luật của hai quốc gia này hoàn toàn giống nhau vì cả hai cùng có chung một nguồn gốc “Tục lệ Pháp”. Thật tế không hẳn như vậy. Hai nền pháp luật Anh-Mỹ, có lẽ chỉ giống nhau vào khoảng hơn 100 năm đầu tiên kể từ khi người Anh bắt đầu di cư đến nước Mỹ lập nghiệp, nhưng sau đó, do tình hình xã hội, chính trị và kinh tế trên vùng đất mới thay đổi, pháp luật của nước Mỹ cũng phải thay đổi theo cho phù hợp tình hình mới.. Tuy nhiên, sự thay đổi này không có tính cách cục bộ mà chỉ xảy ra trong một vài lãnh vực của hệ thống Tục lệ pháp mà thôi. Chính vì vậy mà hầu như các bộ luật dân sự của các tiểu bang ở Hoa Kỳ đều có điều khoản quy định như sau: ‘Ngoại trừ trường hợp án lệ của nước Anh trái với bản Hiến Pháp của Hoa kỳ và Hiến pháp tiểu bang thì các vụ tranh tụng dân sự tại các tiểu bang đều được khuyến khích nên áp dụng án lệ dân sự của Tòa án Anh Quốc’.

Trong bài viết sau đây, chúng tôi sẽ trình bày một số án lệ tiêu biểu về lỗi Phi báng của nước Anh để độc giả ở Mỹ tiện đối chiếu với các bản án về phi báng của tiểu bang California và nếu nhận thấy những án lệ ấy không trái với Hiến Pháp của nước Mỹ và của tiểu bang California thì sự kiện này cần được các tụng phương nêu lên trước các pháp đình của tiểu bang California..

X

X X

Khởi đầu của công cuộc định cư là từng nhóm nhỏ người Anh đến lập nghiệp trước tiên ở vùng Virginia rồi sau đó họ mới đi tới những nơi khác nằm dọc theo bờ biển phía Đông của Hoa Kỳ. Vào thời bấy giờ, những nhóm người định cư này rất ít liên lạc với nhau, ngay cả đến mối liên lạc giữa họ với nước Anh cũng rất lỏng lẻo, hầu như ngưng hẳn bởi vì mối bận tâm chính của họ là làm thế nào để có thể sống còn trước những hành vi thù nghịch của nhóm thổ dân da đỏ nổi lên chống đối họ ở các địa phương. Cho nên, vào thời kỳ này, luật sư và tòa án là những thứ vô dụng đối với họ. Thêm vào đó nhiều nhóm định cư lại còn theo một thứ tôn giáo mà mọi tranh chấp xảy ra đều được giải quyết bởi vị mục sư và cuốn thánh kinh chứ không phải giữa luật sư với tòa án và Tục lệ pháp.

Mãi tới đầu thế kỷ thứ XVIII, tình trạng nêu trên mới thay đổi, chủ yếu là vì vào thời điểm này công việc trao đổi thương mại bắt đầu gia tăng mạnh mẽ giữa các nhóm định cư với nhau cũng như giữa các nhóm định cư với nước ngoài và đặc biệt là giữa họ với Anh Quốc. Kể từ đó, một giai cấp luật sư bắt đầu hình thành ở Mỹ mà số đông trong bọn họ đã từng được huấn luyện về ngành nghề luật từ các Phường Hội Luật (Inns of Court) ở Luân Đôn trước khi di cư qua Mỹ. Dần dà những sách luật cũng được chuyên chở từ Anh qua, đặc biệt là cuốn ‘Commentaires on the Laws of England’ (Bản về luật lệ của nước Anh) của BLACKSTONE mà số lượng sách bán ra ở Mỹ vào thời bấy giờ, không thua gì số sách được bán ra ở bên Anh.

Phản ứng trước Chủ Nghĩa Đế Quốc của nước Anh vào giữa thế kỷ thứ XVIII đã đưa đến phong trào nổi dậy đòi độc lập của người Mỹ mà phát ngôn viên của đôi bên đều là những luật sư mà trong số 56 người ký tên vào bản Tuyên Ngôn Độc lập năm 1776 thì đã có đến 25 người là luật sư rồi.” Ngay trước khi bản Tuyên Ngôn Độc Lập ra đời, những nhóm định cư ở Mỹ đã thỏa thuận với nhau rằng Tục lệ pháp và những đạo luật viết đã ban hành ở Anh cũng được xem là luật chung cho các nhóm định cư. Họ cũng nhìn nhận rằng Tục lệ Pháp sẽ không áp dụng nếu tỏ ra không thích hợp với những gì đang xảy ra ở các địa phương”

“ (Even before independence, the American settlers were agreed that in principle the English Common Law, along with statutes already enacted in England, should be the law of the several colonies, apart from any statutes which had been passed specially for them. But it was also recognized that, the English Common Law should not be applied to the extent that is unsuited to local conditions in the colonies).

Thỏa thuận nêu trên, sau đó, đã được chính thức đưa vào Bộ luật thủ tục năm 1872 của tiểu bang California (California Code of Civil Procedure) dưới đề mục ‘*An lệ của nước Anh có hiệu lực ràng buộc đối với các tòa án của tiểu bang California (Binding legal precedents)*’. Điều 22 khoản 2 của Bộ Dân luật viết: “*Trong tự các tiểu bang khác của Hoa kỳ, ngoại trừ tiểu bang Louisiana, hệ thống pháp luật của tiểu bang California đã du nhập Tục lệ pháp vào Bộ luật dân sự tiểu bang. Nếu Tục lệ pháp của nước Anh không tương phản với Hiến pháp của Hoa kỳ hay Hiến pháp của Tiểu bang thì nó sẽ trở thành quy tắc, được đem áp dụng trong các phán quyết của các tòa án tiểu bang.*”:

Binding legal precedents

Section 22 (2) : “*California’s legal system is based on Common law. Like all US States, except Louisiana, California has a reception statute providing for the reception of English law. California Civil code, section 22(2) is as follows: “ The Common law of England so far as it is not repugnant to or inconsistent with the Constitution of the United States or the Constitution of this state, is the rule of decision in all courts of this state “*

Chính những thỏa thuận nêu trên đã khiến cho các tòa án ở Hoa Kỳ phải điều chỉnh Tục lệ Pháp dưới nhiều hình thức, ngay từ giữa thế kỷ thứ XIX. Nhờ vậy mà nhiều bộ luật viết của các Tiểu bang dưới thời Tổng Thống ANDREW JACKSON (1829-1837). đã được sửa đổi cho phù hợp với tình trạng địa phương. Nhiều tiểu bang đã ban hành bộ luật gia đình, luật điền thổ, luật thừa kế để hủy bỏ những vấn đề tương tự trong Tục lệ Pháp đồng thời gián tiếp hóa thủ tục tố tụng tại các tòa án.

Vì thế, điều 22 khoản 2 rất quan trọng chẳng những đối với các luật sư mà còn đối với các tòa án của tiểu bang California nữa bởi vì điều luật đòi hỏi đôi bên phải tham khảo án lệ của nước Anh để đem áp dụng vào các vụ tranh tụng mà họ đang biện hộ hay đang thụ lý, nếu những án lệ này không trái với Hiến Pháp của Hoa Kỳ và Hiến Pháp của tiểu bang, thì sẽ được đem ra áp dụng cho các vụ tranh tụng để bảo vệ hữu hiệu quyền lợi của các tụng phương hoặc đưa ra những phán quyết đúng đắn cho vụ tranh tụng.

Phần I. AN LỆ VE LOI PHI BANG CỦA NUOC ANH

- 1. Định nghĩa.** Lỗi phi báng cấu thành nếu lời lẽ phát biểu mang tính cách vu khống, không đúng sự thật, nhằm vào người khác, nhằm mục đích hạ thấp thanh danh của người này nhưng người phát biểu lại không biện minh được rằng lời lẽ phát biểu của mình không trái pháp luật..

(The wrong of defamation consists in the publication of a false and defamatory statement about a person that tends to lower his reputation without lawful justification)

Lời lẽ phát biểu mang tính cách phi báng không nhất thiết phải được thể hiện bằng chữ viết hay bằng lời nói. Một người còn có thể phi báng người khác bằng hành động mà hệ quả của lỗi phi báng thuộc loại này không khác gì lỗi phi báng chữ viết hay bằng lời nói.

(A defamation statement is not necessarily made in words, either written or spoken. A man may defame another by his acts no less than his words)

Chẳng hạn mang trưng bày hình ảnh có tính cách nhục mạ người khác khiến người này bị công chúng khinh thị, ghét bỏ, xa lánh thì người trưng bày những hình ảnh này có thể bị nạn nhân hành xử tố quyền chống vu khống (actionable libel) đưa kẻ vu khống ra trước tòa để trả lời về hành động của y..

Đem đặt hình ảnh của nguyên đơn lẫn lộn với hình ảnh của bọn sát nhân hay những kẻ xấu trong một cuộc triển lãm cũng được án lệ xếp vào lỗi phi báng libel.

(A defamatory statement is not necessarily made in words, either written or spoken. A man may defame another by his acts no less than his words. To exhibit an insulting picture holding up the plaintiff to ridicule or contempt is an actionable libel:)

(Du Bost v. Beresford (1810) 2 Camp. 511):

So is the act of placing an effigy of the plaintiff among those of murderers and other ill-famed persons in an exhibition:

(Monson v. Tussaud's Ltd (1894) 1 Q.B 671)

Lỗi phi báng có hai loại: **libel** và **slander**

Phi báng libel có tính cách *thường trực*, có hình dạng *rõ ràng* (In libel the defamatory statement is made in some *permanent* and visible form) tỷ như chữ viết, chữ in, hình ảnh hay hình nộm (effigies)

Phi báng slander được biểu thị bằng lời nói hay *qua hình thức truyền đạt*, như trông thấy bằng mắt hay nghe được bằng tai. (*slander is made in spoken words or in some other transitory form, whether visible or audible*) bằng cử chỉ, điệu bộ (gestures) bằng cách phát âm không rõ ràng (inarticulate) nhưng có âm thanh rõ rệt (but significant sounds)

Việc xác định lỗi phi báng là libel hay slander không phải bao giờ cũng dễ dàng.

Phải chăng người ta có thể phân biệt hai loại phi báng này nhờ hai yếu tố sau đây: slander là phi báng nghe được bằng tai (slander is addressed to the ear), còn libel là phi báng trông thấy bằng mắt (libel is addressed to the eye) ?

Tòa Phúc Thảm Luân Đôn không cảm thấy khó khăn khi viện dẫn lý do sau đây để đưa vào phán quyết, theo đó, sự phi báng trong một cuốn phim 'nói' (talking film) là libel :

Yousoupoff v. Metro-Goldwyn- Mayer Pictures (1934) 50 T. L. R. 581

Đạo luật Phi Báng 1952 được ban hành đã giải quyết dứt khoát khó khăn nêu trên khi qui định rằng lời lẽ phi báng, nếu được phổ biến qua đài phát thanh, được xem như *có tính cách thường trực* và được coi là libel.

Tuy libel và slander, trong nhiều trường hợp, được chi phối bởi cùng một nguyên tắc, nhưng về thực chất, chúng khác nhau ở hai điểm quan trọng sau :

(1) Phi báng Libel, ngoài việc **đương nhiên thủ đắc tố quyền** (*actionable per se*) đưa kẻ phạm pháp ra tòa mà không cần phải chứng minh có sự thiệt hại, lại còn là **một tội hình** nữa (*a criminal offence*) trong khi phi báng slander chỉ duy nhất thủ đắc tố quyền đòi bồi thường thiệt hại dân sự mà thôi (a civil injury)

-

(2) Phi báng Libel thủ đắc tố quyền đương nhiên đòi bồi thường thiệt hại trong mọi trường hợp, trong khi phi báng slander chỉ có thể đòi bồi thường nếu chứng minh được có sự thiệt hại thực sự xảy ra (actionable only on proof of actual damage)

Chú thích: **Per se:** by itself (libel) ; **per quod** which requires proof of special damage (slander)

2. Đặc tính của lời lẽ phi báng (Defamation – Nature of Statement)

Nhắc lại định nghĩa lỗi phỉ báng. ; “Lỗi phỉ báng cấu thành nếu lời lẽ phỉ báng không đúng sự thật nhắm vào người khác với mục đích hạ thấp thanh danh của người này nhưng người phỉ báng lại không chứng minh được rằng lời lẽ phát biểu của mình không trái pháp luật.”

- (a) Cái khuynh hướng làm hại hay hạ thấp thanh danh của nguyên đơn được các tòa án của nước Anh xem như thỏa mãn được điều kiện cấu thành lỗi phỉ báng (a tendency to injure or lower the reputation of the plaintiff suffices for wrongful defamation) :

. Sim v. Stretch (1936) 52 T.L.R. at 671, per Lord Atkin

- (b) Bởi vì lời lẽ phỉ báng kể trên đã gây cho nguyên đơn cái cảm tưởng bị ghét bỏ, khinh khí, biến nguyên đơn thành trò cười ... cho các thành viên trong cộng đồng :

(because it causes him to be regarded with feeling of hatred, contempt, ridicule, dislike of right thinking members of society)

Capital & Counties Bank v. Henry (1882) 7 App.. Cas. 771

- (c) Cần phân biệt *lời lẽ phỉ báng* (defamatory statement) với *lời lẽ chỉ có tính cách gây thiệt hại* (merely injurious)

Tuy cả hai đều do cùng một người phát biểu với lời lẽ không đúng sự thật (falsehood) để hại người khác (to the prejudice of another) nhưng việc hành xử tố quyền trong mỗi trường hợp phải tuân theo quy tắc khác nhau.

Lời lẽ phát biểu nếu chỉ gây thiệt hại cho người khác (injurious statement) thì không thể nào làm hại thanh danh của người này được (which is no way affects his reputation)

Sẽ không có lỗi phỉ báng nếu bài viết trên báo nói rằng thương gia A đã đình chỉ công việc thương mại. Lời lẽ phát biểu này hiển nhiên có sự cố ý và không đúng sự thật (this statement is wilfully false) gây thiệt hại cho công việc thương mại của thương gia A nhưng rõ ràng nó không làm hại đến thanh danh của ông A. Muốn kiện bị đơn, thương gia A không thể xử dụng tố quyền của phỉ báng libel được.

Racliffe v. Evans (1892) 2 Q.B 524

(e).Nhưng nếu bài báo lại viết rằng ông A không có khả năng hoạt động thương mại hay ông A hoạt động thương mại không lương thiện (he carries on business incompetently or dishonestly) thì bài báo đã phỉ báng ông A. Tố quyền libel để kiện tờ báo, trong trường hợp này, sẽ được ông A xử dụng đến.

(f) Tương tự như vậy, nếu tờ báo lại viết không đúng sự thật rằng ông chủ tiệm chạp phô X bán hàng hoá có phẩm chất xấu hơn hàng hoá của ông chủ tiệm chạp phô Y thì lời lẽ như vậy không được xem là phỉ báng mà chỉ là lời lẽ gây thiệt hại (injurious falsehood) cho ông X mà thôi.

Nếu bài báo lại viết không đúng sự thật rằng ông X đã gian xảo bán hàng hoá kém phẩm chất nhưng lại tuyên bố rằng hàng hoá của ông bán ra có phẩm chất tốt hơn hàng hoá của ông Y thì bài báo đã tấn công, không nhắm vào công việc buôn bán của ông X mà còn tấn công vào thanh danh của ông X nữa.

Linotype Co v. British Empire Type-setting machine Co (1899) 81 L.T 331

(g) Mạt sát hay lời nói thô tục (mere insult or vulgar abuse) không phải là phỉ báng theo luật của nước Anh. Phỉ báng là *lời phát biểu không đúng sự thật làm hại thanh danh người khác* (Defamation is a false statement to the prejudice of a man's reputation) còn mạt sát là *dùng lời lẽ thô tục để tấn công phẩm giá người khác* (Insult consists in words or conduct offensive in a man's dignity)

(h) Theo đạo luật 'Justice of the Peace Act, người nào dùng lời lẽ thô tục để tấn công thanh danh hay phẩm giá người khác sẽ phải trình diện trước tòa Tạp tụng (Magistrates Court) để nghe tòa phân xử. Người phạm tội có thể bị buộc phải trả một số tiền phạt, hay bị phạt làm công tác cộng đồng trong một vài tuần lễ để răn đe người này khiến đương sự phải sửa đổi hạnh kiểm.

(i). Vì thế cũng được xem là lời lẽ mang tính cách phỉ báng nếu nó phản ánh không đúng sự thật về khả năng nghề nghiệp của người này..

Đó là trường hợp của tiểu thuyết gia nổi tiếng Peter Ridge đã được tòa ra phán quyết buộc nhà xuất bản tạp chí đã cho đăng một truyện ngắn mang tên ông ta nhưng truyện lại không do ông viết ra khiến cho những ai đã đọc truyện này đều cho ông là một nhà văn tồi (scribbler) :

Ridge v. The English illustrated Magazine (1913) 29 T.L.R 512

(j). Cũng được coi là lời lẽ phỉ báng libel nếu nói rằng nguyên đơn mắc bệnh điên, dẫu rằng bệnh điên là nỗi bất hạnh của nguyên đơn chứ không do lỗi của nguyên đơn tạo ra (also a statement is defamatory if it attributes insanity to the plaintiff, though insanity is a misfortune, not a fault) :

Morgan v. Lingal (1863) 8 L.T. (N.8.) 800

(k). Nói rằng người đàn bà bị hãm hiếp mà không có bằng chứng:

(l) Youssoupoff v. Metro-Goldwyn-Mayer Picture (1934) 50 T.L.R 581

(l) Thế nhưng, những gì ngày hôm nay được cho là phỉ báng thì ngày mai có thể không còn là phỉ báng nữa vì tình hình chính trị và xã hội thay đổi theo thời gian. Chẳng hạn như gọi một người là người Đức quốc xã, người Do Thái hay Công sản thì sẽ tùy theo thời mà tên gọi như vậy được xem là phỉ báng hay không phỉ báng.

(m) Slazenger, Ltd v. Gibbs (1916) 33 T.L.R 35

(n) Camrose v. Action Press, Ltd (1937) The Times, October 14,
Damages £ 12.500

(o) Braddock v. Bevine (1948) 1 Á 11 E.R 450

3. Phỉ báng một Công ty (Defamation of a Corporation)

Đối với một Công Ty, lỗi phỉ báng cấu thành nếu hội đủ hai điều kiện sau đây:

- (1) Lời lẽ phát biểu phải nằm trong định nghĩa của lỗi phỉ báng và phải nhắm vào một cá nhân của Công Ty;
- (2) Đặc tính của lời lẽ phỉ báng phải gây thiệt hại cho tài sản hay công việc thương mại của Công Ty.

Một công ty cũng như những pháp nhân khác. Chúng không có thanh danh để bị thiệt hại. Công Ty chỉ là một thể nhân giả định (fictitious person) nên không thể mang công ty ra làm trò cười, khinh bỉ, ghét bỏ hay coi thường... Thanh danh của Công Ty, trên thực tế, chỉ là thanh danh của các thành viên của công ty hay đại lý của Công Ty, họ là những người điều khiển công ty. Do đó, việc tấn công thanh danh của những người nói trên có thể gây thiệt hại cho doanh nghiệp hay tài sản của công ty. Vì vậy, công ty có thể thay mặt những người này, đứng tên khởi tố kẻ phỉ báng.

4. Phát biểu hay công bố lời lẽ phỉ báng (Publication)

Phát biểu hay công bố lời lẽ phỉ báng có nghĩa là hành động làm cho người khác, ngoài nguyên đơn, hay biết về lời lẽ phỉ báng. Chỉ cần nói riêng câu chuyện này với một người bạn thân của mình cũng đủ để cấu thành lời lẽ phỉ báng. Trường hợp lời lẽ phỉ báng được đọc cho viên thư ký của mình đánh máy, cho người viết tốc ký của mình ghi chép hay tường thuật nội vụ cho ký giả báo chí lấy tin thì những trường hợp này cũng được xem là phỉ báng nhưng chỉ được xếp vào loại phỉ báng slander. Mỗi người phải chịu trách nhiệm về việc công bố lời lẽ phỉ báng. Vì vậy, nếu người thư ký đánh máy, người viết tốc ký, người ký giả lại tung tin tức mà mình được biết cho người khác hay biết thì chính họ lại bị xếp vào loại phỉ báng libel.

5. Biện minh (justification)

Việc công bố lời lẽ phỉ báng sẽ không cấu thành nên bị đơn chứng minh được rằng lời phát biểu hay công bố này là đúng sự thật “bởi vì luật không cho phép một người được đòi bồi thường thiệt hại mà sự thiệt hại lại là điều mà chính người này không được phép làm.

(No action will lie for the publication of a defamatory statement if the defendant pleads and proves that it is true “For the law will not permit a man to recover damages in respect of an injury to a character which he either does not or ought not to possess”

(p) *Mc Pherson v. Daniels (1829) 10 B&C 263. 272*

Gánh nặng dẫn chứng để biện minh cho lỗi phỉ báng trong trường hợp này là nhiệm vụ của bị đơn. Bị đơn không nhất thiết phải chứng minh rằng lời lẽ phỉ báng ấy phải hoàn toàn đúng sự thật (literally true) mà chỉ cần lời lẽ phát biểu đúng về nội dung (true in substance), còn sai lầm về chi tiết không làm gia tăng lỗi phỉ báng (the erroneous details in no way aggravate the defamatory character of the statement)

(q) *Clark v. Taylor (1836) 2 Bing. N.C 654*

Đó là trường hợp của một nguyên đơn đáp xe hỏa không mua vé bị tòa phạt 1 bảng Anh và 3 tuần lễ tù ở vì không trả tiền phạt nhưng bị đơn lại nói rằng nguyên đơn chỉ bị phạt có 1 bảng Anh và 15 ngày tù ở do không trả tiền phạt.

Trường hợp lời lẽ phỉ báng được phát biểu do tin đồn thì rất khó chứng minh được rằng lời lẽ phỉ báng ấy có thật sự là tin đồn hay không.

6. Đặc quyền (Privilege)

Như đã đề cập đến ở trên, người nào phát biểu hay công bố lời lẽ phỉ báng thì người ấy phải gánh chịu hậu quả về hành vi của mình nếu như lời lẽ phát biểu hay công bố ấy không đúng sự thật. Tuy nhiên, quy tắc này có nhiều biệt lệ được gọi chung dưới danh hiệu là ‘Đặc quyền’

(He who published a statement does so at his peril, and is liable if this statement turns out not to be true. However this rule is subject to a number of important exceptions which are grouped together under the title of Privilege)

Có hai loại đặc quyền: đặc quyền tuyệt đối và đặc quyền tương đối.

6 (1) Đặc quyền tuyệt đối. (Absolute privilege)

Được xem là đặc quyền tuyệt đối, những lời lẽ phát biểu trước nghị trường của các dân biểu, nghị sĩ dù cho lời lẽ phát biểu ấy có tính cách phỉ báng, không đúng sự thật và có ác ý., thì người phát biểu cũng không vì thế mà bị truy tố.

(Statements are absolutely privileged so that no action will lie in respect of them, however false, defamatory and malicious they may be)

Lời lẽ phát biểu dưới đây được xếp vào loại đặc quyền tuyệt đối

- (a). Phát biểu trước pháp đình của thẩm phán, bồi thẩm, của hai bên nguyên bị, của nhân chứng, luật sư ;
- (b). Phát biểu trước phiên họp Quốc Hội của các dân biểu, nghị sĩ;
- (c). Trao đổi giữa các viên chức các Bộ trong Chính Phủ liên quan đến công vụ
- (d). Tường thuật trung thực, chính xác về diễn tiến trong một phiên xử của tòa án
- (e). Tài liệu công bố của lưỡng viện quốc hội

Những đặc quyền tuyệt đối không được giải thích trong bài viết này vì hầu như mọi người đều biết rằng những nhân vật thuộc cơ quan lập pháp hành pháp cũng như tư pháp đều được đặc miễn trách nhiệm, chỉ vì nhu cầu công vụ khiến họ phải đề cập đến những lời lẽ phát biểu ấy mà thôi.

6 (2). **Đặc quyền tương đối** (Qualified privilege)

Một phát biểu được xếp vào loại đặc quyền tương đối, thì dù cho lời lẽ phát biểu có tính cách phi báng và không đúng sự thật, tố quyền chống phi báng cũng không thể đem ra áp dụng cho người phát biểu trừ phi chứng minh được có sự ác ý trong lời lẽ phát biểu ấy.

(A statement is said to possess a qualified privilege when, although false and defamatory, it is not actionable without proof of malice)

Malice (ác ý) ở đây có nghĩa là có sự hiện diện của *động cơ bất chính* (improper motive).

Một phát biểu được xem là có ác ý nếu trong lời lẽ phát biểu có sự hiện diện của động cơ bất chính nhằm vào mục tiêu khác với mục tiêu mà đặc quyền tương đối được luật pháp cho phép ..
(Malice means the presence of an improper motive. A statement is malicious when it is made for some purpose other than the purpose for which the law confers the privilege)

Pháp luật đòi hỏi một đặc quyền phải được xử dụng một cách lương thiện và cẩn trọng. Ac ý hay động cơ bất chính sẽ tiêu diệt cái đặc quyền ấy khiến cho bị đơn phải gánh chịu hậu quả về việc làm sai trái của mình. Đương sự không còn được đặc quyền bảo vệ nữa *(He is not entitled to the protection of the privilege)*

Việc xét xem lời lẽ phát biểu có phải là đặc quyền hay không là vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của vị thẩm phán (*whether the occasion upon which a statement is made is privileged is a question for the judge*) nhưng việc xét xem lời phát biểu ấy có ác ý hay không lại là một vấn đề sự kiện thuộc thẩm quyền của bồi thẩm đoàn (*the question for the jury is whether the statement was made maliciously*) khiến cho cái đặc quyền ấy có thể bị thu hồi (*so that the privilege was thereby forfeited*) nhưng gánh nặng dẫn chứng lại đặt trên vai của nguyên đơn (*but the burden of proof lies upon the plaintiff*)

Sau đây là danh sách những đặc quyền tương đối

- (a). Statements made in the performance of a duty ;
- (b). Statements made in the protection of an interest;
- (c). Reports of parliamentary, judicial and certain other public proceedings;
- (d). Statements made to the defamed person;
- (e). Professional communications between solicitor and client.

7. **Phát biểu để thi hành bổn phận** (Statements in performance of a Duty)

Lời phát biểu được hưởng đặc quyền tương đối có điều kiện nếu người phát biểu đã thực hiện để thi hành nhiệm vụ theo sự đòi hỏi của luật pháp.

(A statement is conditionally privileged if it is made in the performance of any legal duty imposed upon the person making it.)

8. Phát biểu để bảo vệ một lợi ích. (Statements in Protection of an Interest)

Ngay cả trong trường hợp không có bổn phận nào phải thi hành thì người phát biểu vẫn được hưởng đặc quyền tương đối nếu lời lẽ phát biểu được thực hiện để bảo vệ lợi ích của luật pháp; thí dụ, lời lẽ phát biểu được thực thi để bảo vệ tài sản hay thanh danh của đương sự.

(Even when there is no duty to make the statement, it is nevertheless privileged if it is made in the protection of some lawful interest of the person making it; for example, if it is made in the defence of his own property or reputation.)

Andrews v. Nott Bower [1895] 1 QB,888; Watt v. Longsdon [1930] 1 K. B 130)

9 Phát biểu trong các bản phúc trình của quốc hội, của tòa án hay của cơ quan công quyền.

Sự trung thực và chính xác của bản phúc trình được đăng trên báo chí hay diễn tiến tại các phiên tòa đều được Tục lệ pháp nhìn nhận là có đặc quyền tương đối, bất kể các phiên tòa này thuộc tòa án cấp cao hay tòa án cấp thấp, bất kể đó là phiên tòa đầu tiên hay phiên tòa chót của vụ kiện hoặc *phiên tòa xử theo yêu cầu của một bên tranh tụng (ex parte)*.

(Fair and accurate reports, whether in a newspaper, the public proceedings of any court of justice are conditionally privileged by the common law. The privilege extends to all courts, whether superior or inferior. It makes no difference whether the proceedings are preliminary or final, or whether they are taken ex parte or otherwise.)

Ex parte (Latin). On the part of one side only. (Phiên tòa được mở theo lời yêu cầu của một bên tụng phương trong một vụ tranh tụng để giải quyết về một vấn đề liên quan đến thủ tục.

For example:

- . Ex parte *injunction* is one granted after hearing only the party making the application :
- . Ex parte inspection order: A court order that allows documents to be inspected without warning the holder of being given to the holder of the documents. Such an order is granted when the applicant shows that the documents may otherwise prevent their disclosure, by destruction or other mean.

(Xin đọc bản lý doán của người viết liên quan đến ý nghĩa của từ ngữ ex-part trước tòa án hành chánh của Tòa Thượng Thẩm Luân Đôn ở cuối bài).

Đạo luật Phi Báng 1952 qui định rằng việc công bố trên báo chí liên quan đến các bản phúc trình của tòa án, quốc hội hoặc các vấn đề khác đều do đặc quyền tương đối chi phối nếu chúng ở vào hai trường hợp sau đây:

- (i). Lời lẽ phát biểu không kèm theo lời giải thích hay không mâu thuẫn
- (ii). Lời lẽ phát biểu có kèm theo lời giải thích hay có mâu thuẫn

10. Phát biểu có đặc quyền tương đối không kèm theo lời giải thích hay không mâu thuẫn.

(Statements privileged without any explanation or contradiction)

Đó là:

- . Phúc trình vô tư và chính xác về diễn tiến các cuộc thảo luận công khai của cơ quan lập pháp;
(A fair and accurate report of any proceedings in public of the legislature)

- . Phúc trình vô tư và chính xác về diễn tiến các cuộc thảo luận công khai của những tổ chức quốc tế mà Vương Quốc Anh là một thành viên
(*A fair and accurate report of any proceedings in public of an international of which the United Kingdom is a member*)
- . Phúc trình vô tư và chính xác về diễn tiến phiên xử công khai của Tòa án quốc tế;
(*A fair and accurate report of any proceedings in public of an international court*)
- . Bản sao hay bản trích dẫn trung thực từ sổ sách lưu trữ để truy cứu một đạo luật hay tài liệu nào được mở ra để công chúng tham khảo hay kiểm soát.
(*A fair and accurate copy of or extract from any register kept in pursuance of any Act of Parliament which is open to inspection by the public, or any document which is required by the law to be open to inspection by the public*)

11. Phát biểu có đặc quyền tương đối liên quan đến lời giải thích hay có mâu thuẫn (Statements privileged subject to explanation or contradiction)

Phúc trình vô tư và chính xác hay quyết định của bất kỳ Hội Đoàn, Ủy Ban hay Hội Đồng Quản trị nào:

- . được thành lập tại Vương quốc Anh để thúc đẩy, khuyến khích những bộ môn về nghệ thuật, khoa học, tôn giáo
- . được thành lập tại Vương Quốc Anh nhằm mục đích bảo vệ lợi ích của công việc thương mại, kinh doanh, kỹ nghệ hay nghề nghiệp.

12. Những lời lẽ phát biểu nhắm vào chính người bị phỉ báng. (Statements made to the defamed person)

Việc truyền đạt lời lẽ trực tiếp với chính người bị phỉ báng sẽ không mang lại tố quyền cho đương sự (r) không phải bởi vì những lời lẽ phát biểu ấy có đặc quyền mà chỉ vì những lời lẽ phát biểu ấy không được một đề tam nhân nào biết đến, và như vậy thanh danh của nguyên đơn không hề bị tổn hại, dù cho lời lẽ phát biểu ấy không đúng sự thật và có ác ý. Nhưng nếu lời lẽ phát biểu ấy lại được nói ra trước một người thứ ba hoặc được viết ra mà người thứ ba này đọc được thì thanh danh của nguyên đơn bị thiệt hại và ông ta có thể xử dụng tố quyền libel để đưa bị đơn ra tòa

13 Thông tin liên quan đến nghề nghiệp (Professional communications)

Thông tin tức liên quan đến nghề nghiệp giữa Đại Tụng và thân chủ được xếp vào loại đặc quyền tương đối. Đặc quyền này rất quan trọng cho công việc điều hành công lý nên cần được triệt để tôn trọng. Có như vậy thì viên Đại Tụng mới có thể an tâm cố vấn cho khách hàng của mình.

14 Phê bình trung thực (vô tư). (Fair comment)

Phê bình trung thực về một vấn đề có tính cách công ích thì được hưởng đặc quyền tương đối. Một phê bình được coi là trung thực nếu lời lẽ phát biểu có tính cách công ích (public interest) và phải căn cứ trên những sự kiện thực tế (facts truly stated).

15. Những vấn đề nào được quyền phê bình. (What matters may be commented on)

Quyền phê bình có tính cách phổ quát. Mọi người đều có quyền tự do chỉ trích mọi người, mọi vật, công cũng như tư miễn là lời lẽ phê bình phải *trung thực*.

(*The right of comment is universal; there is full liberty to criticise all men and things, public or private, provided that the criticism is honest*)

Trường hợp lời phát biểu là một sự kiện nhưng lời lẽ phát biểu chỉ có *một phần sự thật* còn phần kia lại *biểu thị ý kiến* của người này thì sao ?

Theo đạo luật Phi Báng năm 1952, khoản 6, phê bình thuộc loại này được phân biệt thành hai trường hợp sau đây :

16. Phê bình đối với những vấn đề có ích lợi công cộng (Matters of public interest)

(1). Công việc hành chính của tòa án, của quốc hội, cách cư xử của nhân viên hành chính trong chính phủ, công việc điều hành của cơ quan hành chính địa phương, của các bệnh viện và các định chế công lập. thì địa bàn của sự phê bình có hiệu lực trên cả nước chứ không thể bị giới hạn trong một khu vực nào.

(For example: the administration of justice, the affairs of Parliament, the conduct of the government and public servants, the mode in which local authorities and other public bodies perform their functions, the management of public hospitals and other public institutions. It makes no difference that the public interest of the matter in question is limited to a particular locality, instead of extending throughout the realm)

17. Những vấn đề do chính đương sự đưa ra trước công luận để được phê bình (Matters submitted to public criticism by the persons concerned).

Người nào tự nguyện chối bỏ cái quyền riêng tư của mình, đưa vấn đề của mình ra trước công luận để được xem xét, phê phán thì phải gánh chịu những phê bình của quần chúng. Quyền này bao gồm cả các tác phẩm văn học, nghệ thuật được đem ra trưng bày để công chúng xem. ..

(He who voluntarily gives up his right of privacy by submitting himself or his deeds to public scrutiny and judgement must submit to the exercise of a right of public comments. This right, therefore, extends to books and every form of published literature, works of arts publicly exhibited ...)

18. Phê bình về đức hạnh của người khác. (Comment on moral character)

Không ai được quyền phê bình đức hạnh của người khác dù họ là nhân vật nắm giữ những chức vụ trong chính quyền khiến cho phẩm hạnh của người này trở thành mối quan tâm của quần chúng. Người nào cho rằng một nhân vật nào đó không lương thiện, tham nhũng, vô luân, không đáng tin cậy thì phải chứng minh lời cáo buộc của mình đối với người ấy là đúng sự thật. Có thể phẩm bình một người là điên rồ nhưng không thể cáo buộc người đó có những đức tính xấu xa, phẩm bình một người là bất tài nhưng không thể cáo buộc ông ta về tội tham nhũng. Giới hạn của việc phê bình được phán quyết của tòa Thượng Thẩm Luận Đôn đưa vào bản án Cambell c/. Spottis Woode (1863 3 B & 769. Người tấn công bằng lời lẽ như vậy được coi như phi báng về sự kiện chứ không phải chỉ là lời phê bình xuông nên không được nguyên tắc phê bình trung thực bảo vệ.

(A man's moral character is not permissible subject to adverse comment, and this is so even though the person attacked occupies some public position which makes his character a matter of public interest. He who says or suggests that a person is dishonest, corrupt, immoral, untruthful must justify his accusation by proving it to be true (o) It may be fair comment mistakenly to accuse a man folly, but not to accuse him of vice; of want of dignity but not of want of honesty; of incapacity but not of want corruption. This important limitation the right of criticism was established by the decision of the Queen's Bench in Cambell v. Spottis Woode (p).

Such a personal attack, therefore, is to be regarded as a defamatory statement of fact, and not a mere comment. Accordingly it will not be covered by a plea of fair comment, unless it is a correct inference from the facts commented on.)

19. Phê bình phải trung thực (Comment must be fair)

Lời lẽ phê bình phải vô tư, nêu không, người phê bình sẽ không được hưởng đặc quyền và bị truy tố. Phê bình phải trung thực mà nếu phê bình đã trung thực thì không cần phải viện dẫn đặc quyền. Phê bình trung thực có nghĩa phê bình thành thực, đúng sự thật, không do động cơ ác ý tạo thành

(The comment must be fair, otherwise it will be actionable as unprivileged. This does not mean that the comment must be true; true comment needs no privileged any more than any other true statement. Fair comment means comment honestly believed to be true, and not inspired by any malicious motive).

20. Gánh nặng dẫn chứng (Burden of proof)

Gánh nặng dẫn chứng để xem lời lẽ phê bình có trung thực hay không là nhiệm vụ của bị đơn. Bị đơn phải chứng minh rằng sự kiện được đương sự căn cứ vào để đưa ra lời lẽ phê bình là đúng sự thật và do một người lương thiện thực hiện. Sau khi bị đơn đã dẫn chứng được lời lẽ phê bình của mình là trung thực rồi thì trách nhiệm chuyển qua nguyên đơn để ông ta chứng minh rằng có yếu tố ác ý trong lời lẽ phê bình của bị đơn.

Đến đây, việc xét xem lời lẽ phê bình của bị đơn có trung thực hay không là một vấn đề sự kiện thuộc nhiệm vụ của Bồi thẩm đoàn.

Kể đến, nhiệm vụ của vị thẩm phán là phải quyết định (1) xem nội vụ có được luật pháp cho phép phê bình hay không, và (2) Bồi thẩm đoàn có đầy đủ bằng chứng để đi đến kết luận rằng lời lẽ phê bình của bị đơn có trung thực hay không.

(The burden of proving that a comment is fair is on the defendant. He must establish that the fact upon which the comment is based are true, and that the comment thereupon is warranted in the sense that it is such as might be made by an honest man. Once the defendant has established that in this sense the comment is fair the onus is shifted to the plaintiff if he wished to prove that the prima facie protection is displaced by the presence of malice in the defendant.

Whether the comment is fair is a question of fact for the jury, But it is for the judge to decide in the first place (1) whether the subject is one which is in law open to comment, and (2) whether there is any reasonable evidence to go to the jury that the comment is unfair (h)..

21. Đặc tính của việc bảo vệ phê bình trung thực (Nature of defence of fair comment).

Đặc quyền xảy ra vào một trường hợp nào đó mà chỉ người nào được hưởng đặc quyền mới được phép làm còn người khác không có đặc quyền thì không được phép làm. Người nào ở vào vị thế được hưởng đặc quyền như vậy có quyền viết về người khác, về những điều mà không ai ở Vương quốc Anh được phép đề cập đến hay viết ra. Thế nhưng đối với trường hợp phê bình một tác phẩm thì mọi người hoặc là đôi khi được quyền làm hay không được quyền làm. Vì vậy, vấn đề được đặt ra cho bồi thẩm đoàn không phải là đặc quyền đối với bài viết mà là bài viết có phải là phỉ báng hay không.

“A privileged occasion is one which the privileged person is entitled to do something which no one who is not within the privilege is entitled to do on that occasion. A person in such a position may say or write about another person things which no other person in the kingdom can be allowed to say or write. But, in the case of a criticism upon a published work, every person is entitled to do and is forbidden to do exactly the same things, and therefore, the occasion is not privileged” (t).

Therefore, the question to be put to the jury is, not whether the article is privileged, but whether it is or is not a libel.

22. Tạ lỗi (Apology)

Theo Đạo luật Phi báng 1843, nếu lời lẽ phi báng được đăng tải trên tờ báo hàng ngày hay trên tờ báo định kỳ, bị đơn có quyền nại lý do bài đăng trên báo không có ác ý và cũng không sơ xuất, bất cẩn quá đáng, và rằng trước khi tố quyền được hành xử hoặc vào cơ hội sớm nhất sau đó, đương sự đã đăng trên tờ nhật báo hay tạp chí lời tạ lỗi của mình, hoặc giả nếu là tờ báo ra định kỳ mỗi số cách nhau hơn một tuần, đương sự đã đề nghị đăng lời tạ lỗi trên bất kỳ tờ báo hàng ngày hay định kỳ nào do nguyên đơn lựa chọn. Đương sự phải kèm theo đề nghị một số tiền ký thác tại tòa án như là một món tiền phạt vạ.

(Under the Libel Act 1843, in actions for a libel contained in a public newspaper or periodical the defendant may plead that it was inserted without actual malice and without gross negligence and that before the commencement of the action or at earliest opportunity afterwards he inserted in the newspaper or periodical a full apology, or, if the periodical is ordinary published at intervals exceeding one week, had offered to publish such apology in any newspaper or periodical selected by the plaintiff. Every such defence must be accompanied by a payment of money into court by way of amends (i).

24. Giảm bớt tiền bồi thường (Mitigation of Damages).

Lời tạ lỗi không phải là bằng chứng duy nhất để giúp giảm bớt số tiền bồi thường. Về tố quyền phi báng, cho dầu bị đơn không đưa ra lời biện minh, đương sự cũng vẫn được giảm bớt số tiền bồi thường nếu đưa ra được bằng chứng về thanh danh không tốt đẹp của nguyên đơn trước khi lời lẽ phi báng được công bố. Tuy nhiên, bằng chứng này phải thực sự liên quan đến thanh danh của nguyên đơn thì mới được chấp nhận chứ không phải là những tin đồn về hạnh kiểm của nguyên đơn.

(An apology is not the only evidence which may be given in mitigation of damages. In action for defamation the defendant, even though he does not plead justification, is entitled to adduce in mitigation of damages evidence of the plaintiff's general bad reputation prior to the publication of the libel. For since the plaintiff sues for injury to his reputation, it is permissible for the defendant to prove in this way that such reputation was of little value. But the evidence so admissible in mitigation of damages is limited to general evidence as to the plaintiff's reputation; it does not include rumours of his conduct.)

Sự khiêu khích lẫn nhau về cùng một đề tài (*in part materia*) có thể được dùng làm bằng chứng để xin tòa giảm bớt tiền số tiền bồi thường: “ Nếu đôi bên đương sự đều phát biểu lời lẽ tàn độc với nhau hàng ngày thì sẽ không có vấn đề trả tiền bồi thường cho cả hai bên ”

(Provocation in *pari materia* (on the same matter subject) may given in evidence in mitigation: “If two men are concerned in publishing monstrous libels against each other every day, there can be no claim to damages on either sides”

25. Sơ xuất (Negligence)

Mãi tới năm 1934, Tối Cao Pháp Viện Anh Quốc mới chính thức chấp nhận sơ xuất là một trường hợp của *lỗi quá thất độc lập* (an independent tort) trong bản án *Lochgelly Iron and Coal v. M'Mullan*. Phán quyết đã đưa đến một tố quyền mới vào lỗi phi báng của hệ thống Tục lệ Pháp . Đó là tố quyền đặc biệt của lỗi phi báng do sơ xuất phát sinh, hay vi phạm một bổn phận (*a breach of duty*). Từ ngữ ‘negligence’ đã được các tòa án cao cấp của nước Anh xem như một thành tố của lỗi phi báng và đã giải thích như thế nào. Vấn đề sẽ được trình bày trong Phần II của bài viết này.

x

x x

Bài đọc thêm. Lý đoán của người viết đệ nạp tại tòa Phúc Thẩm Luân Đôn chống lại bản án của Tòa An Hành Chánh, một phân ban của Tòa Thượng Thẩm, xét xử ‘ex parte’ cách đây 12 năm.